TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07-01-2021
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Cúc.

Bà Trần Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công Em – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 474/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 111/2020/QĐST – HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị Huỳnh N, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hi, xã H, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hi, xã H, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Huỳnh N trình bày: Chị với anh Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn. Trong mười năm chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh T thường xuyên ăn chơi, cờ bạc, chị có khuyên nhiều lần Nng anh T không bỏ mà còn có tính vũ phu, nhiều lần hành hung đánh đập chị và anh chị đã tự sống ly thân gần 02 năm nay. Nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Diễm H, sinh ngày 25/5/2009 và Nguyễn Ngọc Diễm M, sinh ngày 06/6/2015, hiện đang sống với chị. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 cháu, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi, lao động được.

- Về tài sản - nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Huỳnh N. Cho chị Huỳnh Thị Huỳnh N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung tên Nguyễn Thị Diễm H, sinh ngày 25/5/2009 và Nguyễn Ngọc Diễm M, sinh ngày 06/6/2015 cho chị Huỳnh Thị Huỳnh N nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Diễm H và Nguyễn Ngọc Diễm M mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 cháu, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động được.

Về tài sản - nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Huỳnh N khởi kiện ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn T, anh T có địa chỉ cư trú tại ấp Hi, xã H, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Huỳnh N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử Nng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Huỳnh Thị Huỳnh N và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/3/2009 tại Quyển số 01/2009, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ vợ chồng giữa anh chị đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo chị N trình bày, trong thời gian mười năm chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh T thường xuyên ăn chơi, cờ bạc, chị có khuyên nhiều lần Nng anh T không bỏ mà còn có tính vũ phu, nhiều lần hành hung đánh đập chị và anh chị đã tự sống ly thân gần 02 năm nay. Riêng đối với anh Nguyễn Văn T, từ khi được Tòa án thông báo về việc chị N ly hôn anh vẫn bỏ mặc không có ý kiến gì, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng với chị N nữa. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N với anh T thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị Huỳnh Thị Huỳnh N và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Diễm H, sinh ngày 25/5/2009 và Nguyễn Ngọc Diễm M, sinh ngày 06/6/2015. Xét thấy, từ khi chị N và anh T sống ly thân thì cháu Hằng và My do chị N nuôi dưỡng, hai cháu có cuộc sống ổn định, sức khỏe tốt, chị N cũng có thu nhập ổn định, đảm bảo để nuôi con. Mặt khác, tại bản tự khai cháu Nguyễn Thị Diễm H cũng có nguyện vọng được sống chung với chị N khi cha và mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, sự phát triển về tinh thần, cũng N các quyền lợi khác của con chung nên tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Diễm H và Nguyễn Ngọc Diễm M cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng: Chị Huỳnh Thị Huỳnh N yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 cháu, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi, lao động được. Xét thấy, anh Nguyễn Văn T không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào điều kiện cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu để cháu Nguyễn Thị Diễm H và Nguyễn Ngọc Diễm M được phát triển bình thường cần buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi, lao động được.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị Huỳnh N trình bày không có, còn anh Nguyễn Văn T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Huỳnh N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Huỳnh N. Cho chị Huỳnh Thị Huỳnh N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Thị Diễm H, sinh ngày 25/5/2009 và Nguyễn Ngọc Diễm M, sinh ngày 06/6/2015 cho chị Huỳnh Thị Huỳnh N nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Diễm H và Nguyễn Ngọc Diễm M mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 cháu, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005945 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem thi hành xong.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã H, huyện Cai Lậy, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni